

Số: /TB-STNMT

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO
Về khu vực không đấu giá quyền khai thác
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Thực hiện nội dung Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai các khu vực khoáng sản (đá và đất) làm vật liệu xây dựng thông thường không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thuộc xã Đăk Nên, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (nằm trong phạm vi diện tích đất xây dựng công trình Thủy điện Thượng Nam Vao của Công ty Cổ phần thủy điện Nam Vao), cụ thể: Tại phụ lục kèm theo.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến tất cả các đơn vị, địa phương có liên quan biết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh - CTTĐT (đăng t/b);
- UBND huyện Kon Plông (t/b);
- UBND xã Đăk Nên, huyện Kon Plông (t/b);
- Trung tâm CNTT Sở TN&MT (đăng t/b);
- Công ty Cổ phần thủy điện Nam Vao (biết);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TNKS_{DMH}.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thanh Hải

KHU VỰC KHÔNG ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Điểm góc	Tọa độ		Hiện trạng	Diện tích (ha)	Khối lượng đăng ký (m ³)	Ghi chú
	X(m)	Y(m)				
Địa điểm: Xã Đắk Nền, huyện Kon Plông						
Vị trí 1:						
1	1.662.257	572.534	Thuộc hạng mục Cùm đầu mối của công trình Thủy điện Thượng Nam Vao	0,17	Đá: 1.592 Đất: 3.180	Điểm d, Khoản 1, Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
2	1.662.249	572.538				
3	1.662.240	572.532				
4	1.662.219	572.524				
5	1.662.209	572.500				
6	1.662.219	572.489				
7	1.662.217	572.465				
8	1.662.225	572.462				
Vị trí 2:						
1	1.662.044	572.969	Thuộc hạng mục Cửa vào hầm của công trình Thủy điện Thượng Nam Vao	0,31	Đá: 4.024 Đất: 5.660	Điểm d, Khoản 1, Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
2	1.662.045	572.951				
3	1.662.030	572.933				
4	1.662.007	572.925				
5	1.661.989	572.910				
6	1.661.983	572.932				
7	1.661.985	572.961				
8	1.661.998	572.984				
9	1.662.017	572.986				
Vị trí 3:						
1	1.662.023	572.982	Thuộc hạng mục Hầm dẫn	0,84		Điểm d, Khoản 1,

Điểm góc	Tọa độ		Hiện trạng	Diện tích (ha)	Khối lượng đăng ký (m ³)	Ghi chú
	X(m)	Y(m)				
2	1.662.051	573.022	nước của công trình Thủy điện Thượng Nam Vao		Đá: 22.050	Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
3	1.662.066	573.052				
4	1.662.069	573.086				
5	1.661.966	574.603				
6	1.661.958	574.646				
7	1.661.941	574.686				
8	1.661.623	575.262				
9	1.661.599	575.296				
10	1.661.561	575.330				
11	1.661.524	575.350				
12	1.661.297	575.441				
13	1.661.298	575.444				
14	1.661.525	575.352				
15	1.661.564	575.336				
16	1.661.605	575.300				
17	1.661.626	575.263				
18	1.661.944	574.687				
19	1.661.963	574.647				
20	1.661.968	574.603				
21	1.662.072	573.086				
22	1.662.073	573.050				
23	1.662.053	573.020				
24	1.662.025	572.981				
Vị trí 4:						
1	1.661.994	574.192	Thuộc hạng mục Hàm phụ của công trình Thủy điện Thượng	0,09	Đá: 2.004	Điểm d, Khoản 1, Điều 22 Nghị định số
2	1.661.687	574.171				

Điểm góc	Tọa độ		Hiện trạng	Diện tích (ha)	Khối lượng đăng ký (m ³)	Ghi chú
	X(m)	Y(m)				
3	1.661.686	574.174	Nam Vao			158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
4	1.661.993	574.195				